

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 15; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020;

Căn cứ vào giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn và xin miễn, giảm án phí của chị Lê Thị H có xác nhận của UBND thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: - Anh Hà Đình L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn LS, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký tạm trú: Tk TC1, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Phan Thị Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tk TC1, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

+ *Bị đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tk TC1, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Số tiền nợ gốc:* Anh Hà Đình L và chị Lê Thị H thỏa thuận và thống nhất xác định tính đến ngày 08/7/2020 chị H còn nợ anh L và chị Q số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2.2. *Về số tiền lãi:* Chị H còn phải trả cho anh L và chị Q số tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/7/2020 là 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Kể từ tháng 7/2020 hai bên thỏa thuận chị H không phải trả lãi trên nợ gốc.

Tổng số tiền chị Lê Thị H phải trả cho anh Hà Đình L và chị Phan Thị Q là 47.800.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

2.3. *Về thời hạn trả nợ:* Kể từ tháng 9/2020 (vào ngày 25 hằng tháng) chị Lê Thị H phải trả cho anh Hà Đình L và chị Phan Thị Q số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn trả nợ nếu chị Lê Thị H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ theo thỏa thuận thì hằng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2.4. *Về án phí:*

- Giảm 50% án phí DSST cho bị đơn. Chị Lê Thị H phải chịu 597.500 đồng (Năm trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho anh Hà Đình L và chị Phan Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2017/0002148 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

Võ Kỳ Anh